

TRƯỜNG TH, THCS, THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	3 (TN1,2,3) 0,75 đ		1 (TN4) 0,25đ	1 (TL1) 1,0đ					3,0
		Các phép tính với phân số					1 (TL2) 1,0đ				
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	1 (TN5) 0,25đ		3 (TN6,7,8) 0,75đ	1 (TL3) 1,0đ		1 (TL4) 1,0đ		1 (TL 6) 1,0đ	4,0
3	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có trục đối xứng	1 (TN 9) 0,25đ								0,5
		Hình có tâm đối xứng	1 (TN 10) 0,25đ								
4	Các hình học cơ bản	Điểm. Đường thẳng, tia	2 (TN 11,12) 0,5đ	1 (TL5a) 0,5đ							2,5
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng		2 (TL5b,c) 1,5đ							
Tổng			8 2,0	3 2,0	4 1,0	2 2,0		2 2,0		1 1,0	20 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 – MÔN TOÁN – LỚP 6 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Nhận biết: - Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. - Nhận biết được số đối của một phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. Thông hiểu: - So sánh được hai phân số cho trước.	3TN	1TN 1TL		
		Các phép tính với phân số	Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.			1TL	
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân âm. Thông hiểu: - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. - Tính nhẩm, tính nhanh về số thập phân một cách hợp lí. Vận dụng: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán. Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.	1TN	3TN 1TL	1TL	1TL
3	Tính đối xứng của hình	Hình có trục đối xứng	Nhận biết: - Nhận biết được những hình phẳng có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều).	1TN			

	phẳng trong tự nhiên	Hình có tâm đối xứng	Nhận biết: - Nhận biết được những hình phẳng có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều).	1TN			
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
4	Các hình học cơ bản	Điểm. Đường thẳng, tia	Nhận biết: - Nhận biết được điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng. - Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.	2TN 1TL			
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	Nhận biết: - Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.	2TL			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

MÔN NGỮ VĂN 6

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 6 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Đọc - hiểu một văn bản thuộc thể loại truyện ngắn (tương đương về thể loại với các văn bản ở bài 9 trong Sgk Ngữ văn 6 bộ CTST)
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống (tương đương kĩ năng đã học ở bài 8 trong Sgk Ngữ văn 6 bộ CTST)

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	0	1	0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60						40		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	<ul style="list-style-type: none"> - Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại truyện ngắn - Tri thức Tiếng Việt: biện pháp tu từ (nhân hóa, so sánh) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. 	2			
					2		

			<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa). 				
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. <p style="text-align: center;"><i>(HS trả lời ngắn khoảng 5 dòng)</i></p>			1	
2	VIẾT	<p>Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống. (Chủ đề: Những hiện tượng gần gũi với học sinh trong phạm vi trường học)</p>	<p>Nhận biết: Thông hiểu Vận dụng: Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.</p>	1*	1*	1*	1*
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KỲ 2
Môn: Tiếng Anh 6
Năm học 2025-2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- Nghe hiểu	3		2				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		4		1		7	
4	- Ngữ pháp: <i>Thì quá khứ đơn</i>	1						1	
5	- Ngữ pháp: <i>imperative (lesson 2 – unit 6)</i>	1						1	
6	- Ngữ pháp: <i>prepositions of position (lesson 1 – unit 6)</i>	1						1	
7	- Ngữ pháp: <i>prepositions of time (lesson 1 – unit 7)</i>	1						1	
8	- Ngữ pháp: <i>modal verb: can / should + bare infinitive verb (lesson 1 – unit 8)</i>	1						1	
9	- Ngữ pháp: <i>articles a / an / the for the first / second time (lesson 1 – unit 6)</i>	1						1	
10	- Ngữ pháp: <i>động từ khiếm khuyết: should / can (unit 8 – lesson 1)</i>					1		1	
11	- Ngữ pháp: <i>trường hợp đặc biệt của lots of / many / some / a few (unit 9 – lesson 1)</i>					1		1	
12	- Chức năng giao tiếp	1		1				2	
13	- Đọc thông tin biên báo, quảng cáo	1		1				2	
14	- Đọc điền từ			4		2		6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	3		2		1		6	
16	- Từ loại						4		4

17	- Sắp xếp các thành phần trong câu để tạo thành câu có nghĩa hoàn chỉnh (câu đơn – câu phức/ghép)				1		1		2
18	- Biến đổi câu						4		4
TỔNG		20	0	14	1	6	9	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80 %	20 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II KHỐI 6 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	Biết - Nghe được các thông tin về thời gian, số lượng ... <i>(thời điểm, thời gian chuyến đi)</i> Hiểu - Dự đoán thông tin cần điền (là người, vật, hành động ...), nghe hiểu, và điền đúng thông tin. <i>(thông tin về các hoạt động du lịch)</i> + nội dung thuộc Unit 8	3	2	
2	Ngữ âm	Phát âm	Biết - Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại + nguyên âm đơn /ɪ/ và nguyên âm đôi /aɪ/ được lấy từ units 6, 7, 8, 9 (lesson 1) + phát âm s/es	2		
		Nhấn âm	Biết - Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại. + các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ units 6, 7, 8, 9 (lesson 1)	2		

3	Từ vựng	<i>Từ vựng trong ngữ cảnh</i>	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc + <i>throw away (lesson 2 – unit 6); pick up (lesson 2 – unit 6)</i> - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định + <i>ngữ định danh collocations: sleeping bag (lesson 2 – unit 8), bottled water (lesson 2 – unit 8)</i> <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. + <i>forest / island / mountain / river (unit 8)</i> + <i>flashlight / pillow / towel / campsite (unit 8)</i> + <i>bag / can / glass / jar (unit 6)</i> + <i>exciting / fantastic / terrible / wonderful (unit 7)</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>free / long / blue / slim</i> 	2 (1 giới từ - 1 cụm từ cố định)	4	1
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định. + <i>Thì quá khứ đơn</i> 	1		

		(Cấu trúc theo đơn vị bài học)	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tên của cấu trúc từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với cấu trúc vừa được xác định. + <i>imperative (lesson 2 – unit 6)</i> + <i>prepositions of position (lesson 1 – unit 6)</i> + <i>prepositions of time (lesson 1 – unit 7)</i> + <i>modal verb: can / should + bare infinitive verb (lesson 1 – unit 8)</i> + <i>articles a / an / the for the first / second time (lesson 1 – unit 6)</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cấu trúc phù hợp với ngữ cảnh; + <i>động từ khiếm khuyết: should / can (unit 8 – lesson 1)</i> + <i>trường hợp đặc biệt của lots of / many / some / a few (unit 9 – lesson 1)</i> 	5		2
5	Nói	Chức năng giao tiếp	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen,... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng. + <i>Lời mời đi xem phim (unit 7)</i> <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp + <i>Đáp lại câu hỏi thông tin về môi trường (unit 6)</i> 	1	1	
6	Đọc	Biển báo/ Thông tin	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn được lời phát biểu, mô tả đúng ý nghĩa biển báo nhất + <i>Quy định trong rạp phim (unit 7)</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kĩ các thông tin liên quan đến biển báo; từ đó chọn đúng lời phát biểu mô tả đúng ý nghĩa của biển báo. + <i>Một số quy định ở khu vực dã ngoại, khu vui chơi (unit 8)</i> 	1	1	
		Điền từ	<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng 		4	1

		<p>từ hợp nghĩa với ngữ cảnh.</p> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét ý nghĩa của đoạn văn từ đó chọn đúng liên từ đảm bảo tính mạch lạc. <p>Vận dụng (từ vựng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có nghĩa gần giống nhau (<i>thesaurus</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - Phát hiện ra sự khác nhau giữa các từ có chính tả gần giống nhau, dễ nhầm lẫn (<i>confusable words</i>); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - Suy đoán nét nghĩa mở rộng của các từ vựng cơ bản, dựa trên nét nghĩa đã được học; từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <p>+ <i>Nội dung bài đọc thuộc unit 6: Community Services</i></p>			(liên từ) 1 (từ vựng)
	Đọc hiểu	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải thông tin bài đọc để tìm ra các danh từ, cụm từ mà đại từ/ tính từ chỉ định, sở hữu đề cập (thay thế) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kĩ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu <p>+ <i>Nội dung bài đọc thuộc unit 8: The World around Us</i></p>	3	2 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1 <i>1 câu ý chính</i>

7	Viết	Từ loại	Vận dụng - Sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ; kết hợp với yếu tố ngữ pháp từ đó hoàn thiện câu với hình thức đúng của từ trong ngoặc. + act (v) => act / action / activity / actor / actress (n) – unit 6 + win (v) => won (v) - unit 7 + official ≠ unofficial (a) => officially ≠ unofficially (adv) – unit 6 + natural (a) ≠ unnatural (a) => naturally (a) ≠ unnaturally (adv) – unit 8			4
		Trật tự của từ	Biết - Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí + <i>Cấu trúc câu phức chỉ sự cảnh báo dùng với động từ khiếm khuyết (unit 8)</i> Vận dụng - Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh + <i>Nội dung câu ghép chỉ vị trí một số địa điểm trên bản đồ (unit 6)</i>		1	1
		Biến đổi câu	Vận dụng - Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy. + <i>Cấu trúc câu: Why don't we / you + bare infinitive verb? → How / What about + Ving hoặc How / What about + subject + bare infinitive verb? (unit 7)</i> + <i>Cấu trúc câu: Someone is able / unable to do something. => Someone can / can't do something. (unit 8)</i> + <i>Cấu trúc câu: It is a good idea for somebody to do something. => Somebody should do something. (unit 8)</i> + <i>Cấu trúc câu: Going somewhere will take (a duration). => It will take (a duration) to go somewhere. (unit 8)</i>			4
Tổng câu (50 câu)				20	15	15

Tổng điểm (10 điểm)	4	3	3
Tỉ lệ	40%	30%	30%

TRƯỜNG TH, THCS và THPT NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN, BẢN ĐẠC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

MÔN: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6** – Kiểm tra Cuối học kì II – Thời gian làm bài: 60 phút

NĂM HỌC: 2025-2026

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (TL 6 câu)			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	
1	ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG	Bài 27. Nguyên sinh vật.	2							2	0,5
		Bài 28. Nấm	2							2	0,5
		Bài 29. Thực vật	2							2	0,5
		Bài 31. Động vật	2							2	0,5
2	LỰC	Bài 35. Lực và biểu diễn lực	1			$\frac{1}{4}$	1,0		1,25	1	1,5
		Bài 36. Tác dụng của lực	1				1,0		1	1	1,25
		Bài 37. Lực hấp dẫn và trọng lượng	1			$\frac{1}{4}$		1,0	1,25	1	1,5
		Bài 38. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	1			$\frac{1}{4}$			0,25	1	0,5
		Bài 39. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực		2				1,0*	1	2	1,5
		Bài 40. Lực ma sát		2		$\frac{1}{4}$		1,0	1,25	2	1,75
3	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN		1TL	2TL	3TL	6	16	
4	Điểm số		3,0	1,0		1,0	2,0	3,0	6,0	4,0	10,0
5	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú:

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	CHỦ ĐỀ 8. ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG	Bài 27. Nguyên sinh vật.	Nhận biết: - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật, đặc điểm cấu tạo. - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật - Nêu được các đặc điểm của Nguyên sinh vật - Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong đời sống.	2TN		
		Bài 28. Nấm	Nhận biết: - Nhận biết được các đại diện của nấm đơn bào, nấm đa bào, nấm đảm, nấm túi - Vai trò của nấm trong đời sống. - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và cách phòng tránh. - Dựa vào cơ quan sinh sản nhận biết được các loại nấm.	2TN		
		Bài 29. Thực vật	Nhận biết: - Nhận biết được các nhóm Thực vật (rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín). - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống	2TN		
		Bài 31. Động vật	Nhận biết: - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống (Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp) và có xương sống (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.	2TN		
		Bài 35. Lực và biểu diễn lực	Nhận biết: -Nêu được khái niệm lực, kí hiệu và đơn vị đo lực. -Lấy được ví dụ về lực là sự đẩy hoặc kéo.	1TN ¼ TL		

2	CHỦ ĐỀ 9. LỰC		Thông hiểu: -Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực,có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. -Dựa vào hình biểu diễn, có thể nêu được các yếu tố điểm đặt, độ lớn, hướng của lực.		1,0TL	
		Bài 36. Tác dụng của lực	Nhận biết: -Trình bày được lực tác dụng có thể làm vật bị biến dạng, biến đổi chuyển động hoặc đồng thời biến đổi cả hình dạng và chuyển động.	1TN		
			Thông hiểu: - Xác định được tác dụng của lực lên vật đã làm biến đổi: chuyển động/hình dạng hoặc vừa biến đổi chuyển động và hình dạng.		1,0TL	
		Bài 37. Lực hấp dẫn và trọng lượng	Nhận biết: -Nêu được khái niệm về khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn của lực hút Trái Đất tác dụng lên vật).	1TN ¼ TL		
			Vận dụng: - Tìm được trọng lượng khi biết khối lượng của một vật. - Tính được khối lượng của vật khi biết trọng lượng của vật đó.			1,0TL
		Bài 38. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết: -Nêu được lực tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng lực. -Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực.	1TN ¼ TL		
Bài 39. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực	Thông hiểu: -Khẳng định được số chỉ của lực kế chính bằng trọng lượng của vật treo vào lực kế. -Phân biệt được chiều dài tự nhiên, chiều dài khi biến dạng và độ biến dạng của lò xo.		2TN			

		<p>Vận dụng:</p> <p>-Xác định được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.</p> <p>-Dự vào mối quan hệ giữa độ biến dạng của lò xo và khối lượng vật nặng, từ đó xác định được chiều dài/độ biến dạng của lò xo/khối lượng của vật khi treo vào lò xo treo.</p>			1*TL
	Bài 40. Lực ma sát	<p>Nhận biết:</p> <p>-Nêu được khái niệm lực ma sát, lực ma sát trượt, lực ma sát nghỉ.</p>	¼ TL		
		<p>Thông hiểu:</p> <p>-Làm rõ được tác dụng của lực ma sát trong quá trình chuyển động của vật.</p> <p>-Xác định được loại lực ma sát trong các trường hợp thực tế.</p>		2TN	
		<p>Vận dụng:</p> <p>-Giải thích được các hiện tượng thực tế liên quan đến lực ma sát.</p>			1TL
TỔNG	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu	12TN	4TN	
		Số điểm: 4,0 điểm	3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 6 câu	1TL	2TL	3TL
		Số điểm: 6,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ			40%	30%	30%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: CÔNG NGHỆ 6 – Kì kiểm tra học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm NLC			Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG	Trang Phục	4	2	0	0,5	0	0	4,5	2	0	25 %
		Thời Trang	4	1	0	0	1	0	4	2	0	32,5%
2	ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH	Sử Dụng Đồ Dùng Điện Trong Gia Đình	4	1	0	0	0	1,5	4	1	0	42,5%
Tổng số câu			12	4	0	0,5	1	1,5	12,5	5	1,5	19 câu
Tổng số điểm			3	1	0	1	2	3	4	3	3	10 điểm
Tỉ lệ % điểm			30%	10%	0%	10%	20%	30%	40%	30%	30%	100%

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo	
				Trắc nghiệm	Tự luận
				NLC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	CHỦ ĐỀ 3. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG	Trang Phục	Biết: - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống. - nhận biết được khái niệm trang phục. - các cách phân loại trang phục. - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm của bản thân và tính chất công việc.	4	0.5
			Hiểu: - Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. - Phân loại trang phục khi sử dụng.	2	0
		Thời Trang.	Biết: - Biết các bước lựa chọn thời trang. - Nhận biết được các loại phong cách thời trang. - Nêu được quy trình lựa chọn trang phục theo thời trang.	4	0
			Hiểu: - Hình thành và lựa chọn phong cách thời trang cho bản thân.	1	1

			- Sử dụng trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.		
2	CHỦ ĐỀ 4. ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH	Sử Dụng Đồ Dùng Điện Trong Gia Đình.	Biết: - Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện. - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình. - Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình.	4	0
			Hiểu: - Biết cách sử dụng đồ dùng điện. - Nêu được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện.	1	0
			Vận dụng: - Tìm hiểu thông số kĩ thuật của đồ dùng điện. - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng. - So sánh điện năng tiêu thụ đồ dùng điện - Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình. - Tính được điện năng tiêu thụ đồ dùng điện. - Tính được tiền điện phải trả khi sử dụng đồ dùng điện.	0	1,5
Tổng số câu				16	3

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Cuối HK2

Khối 6 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Thực hành			Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng					
1	Chủ đề 5. Ứng dụng tin học	Bài 11. Trình bày thông tin ở dạng bảng và công cụ tìm kiếm, thay thế.	2	2	2	2	1	1				4	3	3	25% 2.5	
		Bài 12. Thực hành tổng hợp												12	12	30% 3
		Bài 13. Sơ đồ tư duy	3	2	2	2	1	1				5	3	3	28% 2.75	
	Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 14. Bài toán và thuật toán.	3	2	2							3	2	2	17% 1.75	
Tổng số câu			8	6	6	4 ý	2 ý	2 ý			12 ý	12	8	20		
Tổng số điểm			2	1.5	1.5	1	0.5	0.5			3	3	2	5		
Tỉ lệ %			50%			20%			30%			30%	20%	50%		

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá										
				TNKQ						Thực hành				
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³				
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu
1	Chủ đề 5. Ứng dụng tin học	Bài 11. Trình bày thông tin ở dạng bảng và công cụ tìm kiếm, thay thế.	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được cách trình bày thông tin ở dạng bảng trong phần mềm soạn thảo văn bản. * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tác dụng của công cụ tìm kiếm và thay thế trong soạn thảo văn bản. * Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Tạo và trình bày thông tin dạng bảng. – Sử dụng được công cụ tìm kiếm, thay thế. 											
		Bài 12. Thực hành tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản. * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được các chức năng như định dạng chữ, căn lề, chèn hình ảnh. * Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Soạn thảo được văn bản phục vụ học tập và sinh hoạt hằng ngày. 											12

		Bài 13. Sơ đồ tư duy	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm sơ đồ tư duy – Kể tên một số thành phần của sơ đồ tư duy * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. * Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng sơ đồ tư duy để ghi chép bài hoặc trình bày ý tưởng. – Sử dụng phần mềm để thiết kế sơ đồ tư duy (thêm nhánh, màu sắc, hình ảnh...). 	3	2	2	2	1	1						
2	Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 14. Bài toán và thuật toán.	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Kể được một số ví dụ đơn giản về thuật toán trong thực tế. * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một thuật toán đơn giản theo trình tự các bước hoặc sơ đồ khối. * Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng thuật toán để giải quyết tình huống thực tế hoặc bài tập cụ thể. 	3	2	2									
Tổng số câu				8	6	6	4 ý	2 ý	2 ý						12 ý
Tổng số điểm				2	1.5	1.5	1	0.5	0.5						3
Tỉ lệ %				50%			20%			30%					

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

ST T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm									Tự luận						
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH		VD
Lịch sử																		
1	Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X	<ul style="list-style-type: none"> - Đấu tranh và bảo tồn phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc. - Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X. - Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X. - Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X. 	C1			C1-a	C1-b	C1-b,d							C1 C1-a	C1-b	C1-b,d	12,5 %
			C2,3	C4									C1-a	C1-b	C2,3	C4 C1-a	C1-b	27,5 %
			C5,6												C5,6			5%
			C7,8												C7,8			5%
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1				
Tổng điểm			1,75	0,25		0,25	0,25	0,5					1	1	2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ %			30%									20%			20%	15%	15%	5%
Địa lí																		

	Khí hậu và biến đổi khí hậu.	- Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.	C9	C10										C9	C10		5%	
2	Nước trên trái đất	- Sông và hồ. - Biển và đại dương.	C11 C12			C2-a	C2-b	C2-b,d						C11, C2-a C12	C2-b C2-bd		12,5% 2,5%	
3	Đất và sinh vật trên trái đất.	-Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. - Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên. Rừng nhiệt đới.	C13, 14 C15, 16										C2-a	C13, 14 C15, 16	C2-a		15% 15%	
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1	8	3	3	
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5					1	1	2	1.5	1.5	5.0
Tỉ lệ %			30%									20%		20%	15%	15%	5%	
Tổng			60%									40%		4	3	3	100%	

		<p>- Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.</p>	<p>thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) Thông hiểu - Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa. - Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. Vận dụng - Lập được biểu đồ, sơ đồ về diễn biến chính, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. Nhận biết - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. Thông hiểu - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938). Vận dụng</p>	C5,6											
--	--	---	---	------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2	Nước trên trái đất	<p>- Sông và hồ.</p> <p>- Biển và đại dương.</p>	<p>Nhận biết – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.</p> <p>Thông hiểu – Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.</p> <p>Vận dụng – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.</p> <p>Nhận biết – Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.</p> <p>Thông hiểu – Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển.</p> <p>Vận dụng – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.</p>	C11			C2-a	C2-b	C2-b,d						
	Đất và sinh vật trên trái đất.	-Lớp đất và các nhân tố hình thành đất.	<p>Nhận biết – Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. – Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.</p> <p>Thông hiểu – Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.</p> <p>Vận dụng</p>	C13, 14									C2-a		

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – **KHỐI 6 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)**
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu TN+TL	Tổng điểm	Ghi chú
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG				
			CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm			
1	Giáo dục pháp luật	Bài 9: Công dân nước CHXHCN Việt Nam	4TN 1TL	2,0	2TN	0,5	2TN	0,5	8 câu TN 1 câu TL	3,0	
2	Giáo dục pháp luật	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	4TN	1,0	4TN 1TL	2,0	2TN	0,5	10 câu TN 1 câu TL	3,5	
3	Giáo dục pháp luật	Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em	4TN	1,0	2TN	0,5	4TN 1TL	2,0	10 câu TN 1 câu TL	3,5	
TỔNG			12TN 1TL	4,0	8TN 1TL	3,0	8TN 1TL	3,0	28TN 3TL	10	
Tỉ lệ			40%		30%		30%		100%		
TỔNG ĐIỂM			4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm		10 điểm		

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 7 điểm

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Giáo dục pháp luật	Bài 9: Công dân nước CHXHCN Việt Nam	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được điều kiện, căn cứ để trở thành Công dân một nước. Nhận biết được công dân nước CHXHCN Việt Nam. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Xác định trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 	4TN 1TL	2TN	2TN
2	Giáo dục pháp luật	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được quyền và nghĩa vụ cơ bản của mỗi công dân. Biết được trách nhiệm của công dân <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được công dân phải thực hiện quyền và nghĩa vụ như thế nào, nội dung quyền và nghĩa vụ đó trong Hiến pháp năm 2013 quy định. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức được tình huống đúng, sai khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong xã hội. 	4TN	4TN 1TL	4TN
3	Giáo dục pháp luật	Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của gia đình, nhà 	4TN	2TN	4TN 1TL

			<p>trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng. <p>Vận dụng:</p> <p>Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.</p>			
4	Tổng	Trắc nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Số câu TN: 28 - Số điểm: 7,0 	12TN 1TL	8TN 1TL	10TN 1TL
		Tự luận	<ul style="list-style-type: none"> Số câu TL: 3 - Số điểm: 3,0 	4,0 1,0	2,0 1,0	2,0 1,0
Tỉ lệ %			100%	40%	30%	30%

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2025- 2026

MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 5,7 GDP 6. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	Tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
1	Chủ đề Làn điệu dân ca	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, nội dung, giai điệu của một số làn điệu dân ca Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh (hò, lí, nói về...). - Giá trị văn hóa, tinh thần, bản sắc vùng miền qua các làn điệu dân ca. 	2		2		1						15,0	30,0%	5

2	<p>Chủ đề chủ đề 7: Tìm hiểu nghề nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>- Khám phá một số nghề truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh - Khám phá các ngành nghề đang phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh</p>	6		4			1				35	70,0%	11	
Tổng			8		6		1		1		14	2	45	100 %	16

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II- GDDP 6 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 5, 7 GDDP 6. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

St t	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 5: Làn điệu dân ca	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, nội dung, giai điệu của một số làn điệu dân ca Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh (hò, lí, nói về...). - Giá trị văn hóa, tinh thần, bản sắc vùng miền qua các làn điệu dân ca. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được các hoạt động gắn với Làn điệu Hò trong dân ca Nam Bộ. - Biết được điểm khác biệt cơ bản về hình thức giữa điệu Hò và điệu Lí. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> So sánh được sự khác biệt cơ bản về hình thức giữa điệu Hò và điệu Lí. <p>Vận dụng cao</p>	2	2		1

			Vai trò của học sinh trong việc giữ gìn và phát huy dân ca trong trường học hiện nay và làm sao để thế hệ trẻ yêu thích.				
2	Chủ đề chủ đề 7: Tìm hiểu nghề nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phá một số nghề truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh - Khám phá các ngành nghề đang phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng nào - Biết được để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập hiện nay, người lao động hiện đại cần chú trọng rèn luyện những nhóm phẩm chất và năng lực cốt lõi nào - Địa điểm của các làng gốm. - Biết được sản phẩm đặc trưng mang lại danh tiếng cho làng nghề. - Kể được tên của các nghề truyền thống <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hiểu được giá trị sử dụng và tác phẩm nghệ thuật của sản phẩm của làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp. -Giải thích làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. - Vai trò của HS lớp 76 trong bối cảnh kinh tế số -Hiểu được giá trị văn hóa giữa Làng gốm Lái Thiêu và -Làng đúc lu đồng An Hội. 	6	4		1

			<p>- Phẩm chất "Thích ứng nhanh với công nghệ mới" là yêu cầu quan trọng của ngành nghề nào tại TP.HCM hiện nay.</p> <p>Vận dụng Quảng bá sản phẩm của làng nghề truyền thống</p>				
Tổng số câu: 16				8	6	<i>1</i>	<i>1</i>

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề : **CẦU LÔNG**

2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chủ đề : CẦU LÔNG	Các động tác hỗ trợ Kỹ thuật phát cầu thuận tay	3		3		4				4			50
		Thực hành: Kỹ Thuật phát cầu thuận tay							1					50
Tổng			3		3		4		1		40		100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			15		15		20		50		100			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 6 (Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề : CẦU LÔNG	Các động tác bổ trợ Kỹ thuật phát cầu thuận tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác bổ trợ Kỹ thuật phát cầu thuận tay - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	3 (1,5 đ)	3(1,5 đ)	4(2,0 đ)	
		Thực hành: Kỹ Thuật phát cầu thuận tay	<ul style="list-style-type: none"> - Biết điều kiện tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả tập luyện. - Thông hiểu: Mô tả được kỹ thuật động tác - Vận dụng: Hoàn thành lượng vận động của bài tập và nội dung kiểm tra đánh giá Kỹ thuật phát cầu thuận tay 				1(5 đ)

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm

Tổ Nghệ thuật. Bộ môn: Âm nhạc

BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA HK II

Bộ môn: Nghệ thuật 6 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	Chủ đề 5: “Hò ba lí”. Chủ đề 6: “Em đi trong trời xanh” Chủ đề 7: “Kỷ niệm xưa”	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.	X	X
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	X X	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.	X X X	X X X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			<ul style="list-style-type: none"> - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. - Nêu được đoạn lặp lại đoạn 1 đoạn 2 của bài. 	<p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>	<p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>
2	Nghe nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe trích đoạn: Xẩm thập ân - Nghe trích đoạn: Czardas. 	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả	x	
			Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc	x	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. 	<p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
3	Đọc nhạc	Bài đọc nhạc số 5 Bài đọc nhạc số 6 Bài đọc nhạc số 7	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc	X	X
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc	X	
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	X X X	X X
4	Nhạc cụ	- Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Các Bài thực hành cho chủ đề 5,6,7 - Nhạc cụ thể hiện giai điệu: Các Bài thực hành cho chủ đề 5,6,7	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	
			Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	X	
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ gõ đơn giản	X X	X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	x x x x x	x x x x
5	Thường thức âm nhạc	Nghệ nhân Hà Thị Cầu. Giới thiệu nhạc cụ Việt Nam.	Nhận biết: Biết đôi nét về tác giả	x	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			Thông hiểu: - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp nhạc sĩ, kể tên một số tác phẩm tiêu biểu. - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp, phong cách sáng tác của nhạc sĩ. - Nêu được các đặc điểm của các nhạc cụ. - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.	x x x x	
			Vận dụng: - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm của nhạc sĩ. - Nhận biết và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc. - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm âm nhạc khi nghe. - Bảo tồn và phát huy các nhạc cụ truyền thống.	x x x x	

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – MÔN MĨ THUẬT LỚP 6

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc, đậm nhạt, không gian. - Cân bằng, tương phản, nhấn mạnh, tỉ lệ, hài hòa. <p>Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội họa (vẽ tranh). <p>Hoạt động thực hành và thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo tranh vẽ về văn hóa cổ đại. - Thảo luận về sản phẩm của học sinh. <p>Định hướng chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa xã hội (Di sản thế giới). 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được đúng chủ đề về các biểu tượng văn hóa Ai Cập (Kim tự tháp, nhân sư, họa tiết cổ...). - Xác định được mục đích của bài vẽ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp bố cục hợp lý, có hình ảnh chính và hình ảnh phụ rõ ràng. - Nêu được các bước cơ bản để hoàn thành bức tranh. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được nguyên lí tương phản màu sắc và các yếu tố tạo hình đặc trưng của nghệ thuật Ai Cập vào bài vẽ. - Giới thiệu, nhận xét và đánh giá được tác phẩm của mình.